

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT (sau đây gọi là “**Công ty**”)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thị Huyền** – Người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3941 0715

Fax: 024 3941 0716

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước của Công ty.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại ngày 30/6/2022 của Công ty.

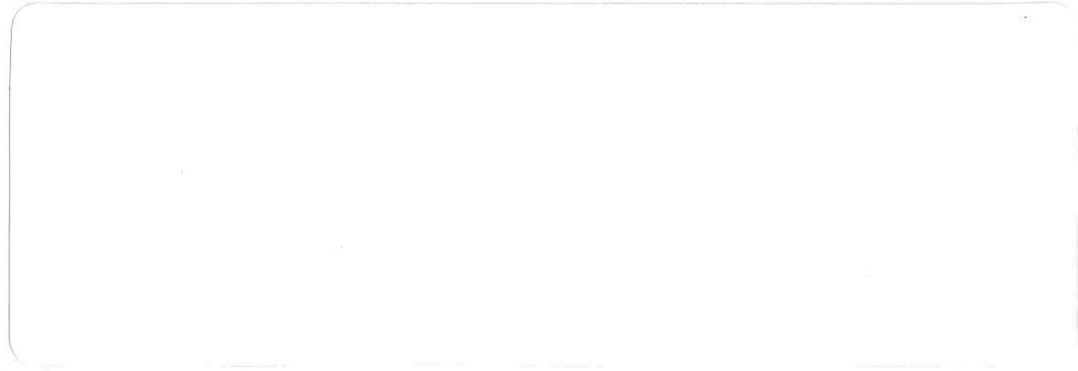
Nội dung công bố thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://vietcat.com/invertor-relationship.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Thị Huyền



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 33

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:
 - Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Huyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Công ty không có Ban kiểm soát do Công ty có dưới mười một (11) cổ đông và không có cổ đông là tổ chức.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Huy Minh	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 1 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tố Uyên	Kế toán Trưởng	Ngày 26 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 23 tháng 5 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Huyền - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

Người đại diện pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 23 tháng 5 năm 2022 là Bà Bùi Thị Thanh Trà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12950729/66839716-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 4 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		26.248.492.219	27.031.747.107
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.472.220.973	26.518.361.901
111	1. Tiền		25.472.220.973	26.518.361.901
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		790.200	1.017.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.1	1.017.000	1.017.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.2	(226.800)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		688.619.866	507.656.684
132	1. Trả trước cho người bán	6	280.548.963	450.752.400
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	19.226.646	19.226.646
135	3. Các khoản phải thu khác	8	416.470.903	46.077.638
139	4. Dự phòng phải thu khó đòi	9	(27.626.646)	(8.400.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		86.861.180	4.711.522
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	86.861.180	4.711.522
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		129.259.500	129.259.500
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	129.259.500	129.259.500
220	II. Tài sản cố định		1.016.676.200	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12.1	1.016.676.200	-
222	Nguyên giá tài sản cố định		1.203.375.449	169.467.449
223	Hao mòn tài sản cố định		(186.699.249)	(169.467.449)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12.2	-	-
228	Nguyên giá tài sản cố định		40.950.000	40.950.000
229	Hao mòn tài sản cố định		(40.950.000)	(40.950.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		373.251.866	464.998.966
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	373.251.866	464.998.966
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.767.679.785	27.626.005.573

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		906.063.429	1.527.882.976
310	I. Nợ ngắn hạn		906.063.429	1.527.882.976
312	1. Phải trả người bán		1.934.900	1.934.900
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	14	208.636.268	1.237.554.822
316	3. Chi phí phải trả	15	409.032.032	77.248.553
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		10.076.040	9.820.512
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	276.384.189	201.324.189
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.861.616.356	26.098.122.597
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		54.906.131	54.906.131
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	54.906.131
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.751.804.094	988.310.335
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.767.679.785	27.626.005.573

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		90.000	90.000
007	- Chứng khoán giao dịch		90.000	90.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		192.230.475	242.366.052
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	18	192.230.475	242.366.052
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		63.373.382.100	801.402.126.600
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	19	63.373.382.100	801.402.126.600
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		31.447.138	2.100.000
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	-	3.612.049.000

Người lập:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
01	1. Doanh thu		4.452.808.222	3.000.036.376
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	4.452.808.222	3.000.036.376
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	23	(1.217.403.855)	(868.386.440)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.235.404.367	2.131.649.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	10.137.024	(167.085.656)
22	7. Chi phí tài chính	25	(292.800)	25.672.875
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2.290.889.267)	(1.633.403.795)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		954.359.324	356.833.360
31	10. Thu nhập khác		-	31.233.207
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	31.233.207
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		954.359.324	388.066.567
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(190.865.565)	(77.606.113)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		763.493.759	310.460.454
70	16. Lãi trên cổ phiếu	28	305	124

Người lập:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.452.808.222	1.500.000.000
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người bán		(1.217.403.855)	(580.567.642)
03	3. Tiền chi trả lương cho nhân viên		(2.290.889.267)	(1.828.847.738)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	14	(72.000.000)	(42.390.856)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		775.285.575	4.600.766.887
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.670.170.627)	(7.165.995.831)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(22.369.952)	(3.517.035.180)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	12.1	(1.033.908.000)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.900.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		-	15.400.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.900.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.137.024	239.757.768
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(1.023.770.976)	15.639.757.768
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.046.140.928)	12.122.722.588
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	26.518.361.901	10.100.846.661
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	25.472.220.973	22.223.569.249

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		39.750.846	54.906.131	-	-	-	-	39.750.846	54.906.131
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		39.750.846	54.906.131	-	-	-	-	39.750.846	54.906.131
4. Lợi nhuận chưa phân phối		715.515.202	988.310.335	1.819.673.718	1.509.213.264	1.233.949.559	470.455.800	1.025.975.656	1.751.804.094
TỔNG CỘNG		25.795.016.894	26.098.122.597	1.819.673.718	1.509.213.264	1.233.949.559	470.455.800	26.105.477.348	26.861.616.356

Người lập:



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch hội đồng Quản trị.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:
 - Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi địa điểm dời trụ sở chính về Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- ▶ Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y các việc sau:
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, Số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 19 người (31 tháng 12 năm 2021: 20 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"):

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “*Chi phí quản lý doanh nghiệp*” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị văn phòng 3 năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương (riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 0%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo các quy định hiện hành như sau:

	<u>Mức trích lập</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng cho chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	1.489.216	798.071
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	25.470.731.757	26.517.563.830
	25.472.220.973	26.518.361.901

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Cổ phiếu đầu tư tài chính ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("DHG")	9	1.017.000	9	1.017.000
	9	1.017.000	9	1.017.000

5.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("DHG")	9	226.800	-	-
	9	226.800	-	-

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Đầu kỳ	-	42.412
Trích lập trong kỳ	226.800	96.807
Cuối kỳ	226.800	139.219

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	101.748.963	-
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	96.000.000	96.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Cảnh Cam	72.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	8.400.000
Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	2.400.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	-	310.352.400
	280.548.963	450.752.400

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu từ bà Đoàn Minh Phượng	18.970.163	18.970.163
Phải thu từ các khách hàng khác	256.483	256.483
	19.226.646	19.226.646

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng		
- Nguyễn Thị Bích Trâm	401.694.283	-
- Nguyễn Thị Hải Yến	14.776.620	-
- Trần Thị Anh Như	-	46.077.638
	416.470.903	46.077.638

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	(8.400.000)	8.400.000	(8.400.000)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ				
- Bà Đoàn Minh Phượng	18.970.163	(18.970.163)	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	256.483	(256.483)	-	-
	27.626.646	(27.626.646)	8.400.000	(8.400.000)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hệ thống lưu trữ	48.351.600	-
Chi phí khám sức khỏe cho nhân viên	25.025.000	-
Công cụ dụng cụ	-	4.711.522
Chi phí khác	13.484.580	-
	86.861.180	4.711.522

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản ký quỹ, ký cược	129.259.500	129.259.500

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

12.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	169.467.449
Tăng trong kỳ	1.033.908.000
Số giữa kỳ	1.203.375.449
Giá trị hao mòn	
Số đầu kỳ	169.467.449
Tăng trong kỳ	17.231.800
Số giữa kỳ	186.699.249
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	-
Số giữa kỳ	1.016.676.200

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 169.467.449 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 169.467.449 VND).

12.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 40.950.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 40.950.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí sửa chữa	285.970.988	363.984.735
Công cụ dụng cụ	87.280.878	101.014.231
	373.251.866	464.998.966

Thay đổi chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đầu kỳ	464.998.966	1.288.625
Tăng trong kỳ	8.050.000	464.998.966
Phân bổ trong kỳ	(99.797.100)	(1.288.625)
Cuối kỳ	373.251.866	464.998.966

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Đã trả trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.900.662	190.865.565	72.000.000	153.766.227
Thuế thu nhập cá nhân	1.202.654.160	990.365.758	2.138.149.877	54.870.041
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.237.554.822	1.184.231.323	2.213.149.877	208.636.268

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phí lưu ký	276.198.032	55.014.553
Phí dịch vụ thuê ngoài	37.800.000	22.234.000
Trích trước lương tháng 13	94.800.000	-
Các chi phí phải trả khác	234.000	-
	409.032.032	77.248.553

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

16. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Đầu kỳ	201.324.189	-
Trích lập trong kỳ	75.060.000	-
Cuối kỳ	276.384.189	-

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>%</i>
Ông Nguyễn Anh Vũ	14.500.000.000	58,00	14.500.000.000	58,00
Bà Hồ Thị Thùy Giang	6.000.000.000	24,00	6.000.000.000	24,00
Bà Nguyễn Thanh Hương	4.500.000.000	18,00	4.500.000.000	18,00
	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông - Số cổ phần phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành - Số cổ phần phổ thông	2.500.000	2.500.000

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Công ty TNHH Đá quý thế giới	27.030.142	27.016.667
Phạm Xuân Thi	19.081.379	19.128.325
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại		
Quang Minh	17.670.829	17.662.021
Trương Việt Vỹ	7.493.565	7.489.830
Các nhà đầu tư khác	120.954.560	171.069.209
	192.230.475	242.366.052

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Số dư đầu kỳ	242.366.052	22.317.314.883
Số tăng trong kỳ	789.138.803.121	2.028.116.797.679
Tiền vốn đầu tư, nộp tiền đi	638.221.084.439	868.925.000.000
Lãi trái phiếu, cổ tức	11.154.289.600	70.076.559.009
Lãi tiền gửi	25.177.371	314.464
Nhận tiền bán trái phiếu	139.738.251.711	1.089.114.924.206
Số giảm trong kỳ	789.188.938.698	2.049.537.659.823
Chuyển tiền mua trái phiếu	555.000.000.000	868.925.000.000
Chuyển tiền mua bán trái phiếu, rút vốn	221.434.819.920	1.108.730.984.693
Chuyển tiền lãi trái phiếu, cổ tức	10.597.407.020	67.410.982.065
Nộp thuế thu nhập các nhân tiền bán trái phiếu, cổ phiếu, lãi coupon, cổ tức	701.985.728	4.470.656.689
Phí quản lý danh mục và khác	1.454.726.030	36.376
Số dư cuối kỳ	192.230.475	896.452.739

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Cổ phiếu		
- Công ty Xây lắp Thương mại 2 (ACS)	23.500.000.000	23.500.000.000
- Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực phẩm Hà Nội (HKB)	32.591.900	71.109.600
- Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)	790.200	1.017.000
- Công ty cổ phần BCG Energy (BCG)	-	555.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương	-	2.400.000.000
Trái phiếu		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	39.840.000.000	-
- Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn	-	72.710.000.000
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	-	147.720.000.000
	63.373.382.100	801.402.126.600

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyễn Trọng Sơn	29.347.138	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Campuchia - CN Hà Nội	2.100.000	2.100.000
	31.447.138	2.100.000

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cá nhân và các bên không liên quan	-	3.612.049.000

22. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	3.000.000.000	3.000.000.000
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	1.452.808.222	36.376
	4.452.808.222	3.000.036.376

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí nhân viên trực tiếp	839.621.464	775.053.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.782.391	-
Chi phí tư vấn	130.000.000	93.333.333
	1.217.403.855	868.386.440

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.105.524	196.603.002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.500	36.000
Hoàn nhập dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	(363.724.658)
	10.137.024	(167.085.656)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư	226.800	96.807
Hoàn nhập dự phòng	-	(25.769.682)
Chi phí tài chính khác	66.000	-
	292.800	(25.672.875)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.505.312.172	1.150.240.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	670.670.538	376.144.579
Chi phí vật liệu quản lý	97.240.398	19.498.358
Thuế, phí, lệ phí	17.666.159	87.520.129
	2.290.889.267	1.633.403.795

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (kỳ trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	954.359.324	388.066.567
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (kỳ trước: 20%)	190.871.865	77.613.313
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập từ cổ tức	(6.300)	(7.200)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	190.865.565	77.606.113

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty	763.493.759	310.460.454
Lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty	763.493.759	310.460.454
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	305	124

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Thù lao và thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

<i>Tên thành viên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
		<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
		<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Bà Nguyễn Thị Huyền	Chủ tịch	40.000.000	11.111.110
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Chủ tịch	40.000.000	22.222.222
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	Phó Chủ tịch	30.000.000	11.111.110
Ông Nguyễn Huy Minh	Tổng Giám đốc	66.480.000	66.480.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	10.000.000	55.555.555
Ông Nguyễn Anh Vũ		-	13.333.332
Bà Hồ Thị Thùy Giang		-	13.333.332

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

30.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

30.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

30. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022:

	<i>Quá hạn VND</i>	<i>Dưới 12 tháng VND</i>	<i>Trên 12 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Tài sản tài chính				
Tiền	-	25.472.220.973	-	25.472.220.973
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	-	1.017.000	-	1.017.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	27.626.646	299.775.609	-	327.402.255
Phải thu dài hạn khác	-	-	129.259.500	129.259.500
	27.626.646	25.773.013.582	129.259.500	25.929.899.728
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	1.934.900	-	1.934.900
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	419.108.072	-	419.108.072
	-	421.042.972	-	421.042.972
Trạng thái thanh khoản ròng	27.626.646	25.351.970.610	129.259.500	25.508.856.756

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Tài sản tài chính				
Tiền	25.472.220.973	26.518.361.901	25.472.220.973	26.518.361.901
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	790.200	1.017.000	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	272.148.963	507.656.684	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	129.259.500	129.259.500	(*)	(*)
	25.874.419.636	27.156.295.085		
Nợ phải trả tài chính			(*)	(*)
Phải trả người bán	1.934.900	1.934.900	(*)	(*)
Chi phí phải trả	409.032.032	77.248.553	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.076.040	9.820.512	(*)	(*)
	421.042.972	89.003.965		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	<u>169.042.702</u>	<u>454.993.440</u>

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Tố Uyên
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Huyền
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

U
C



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 38/2022/CV-VFC

TP. Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Việt Cát (VFC) giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	4,462,945,246	2,864,183,927	1,598,761,319	55.82%
	Doanh thu thực hiện	4,462,945,246	2,864,183,927	1,598,761,319	
2	Chi phí	3,508,585,922	2,476,117,360	1,032,468,562	41.70%
	Chi phí thực hiện	3,508,585,922	2,476,117,360	1,032,468,562	
3	Lợi nhuận trước thuế	954,359,324	388,066,567	566,292,757	145.93%
4	Chi phí thuế TNDN	190,865,565	77,606,113	113,259,452	
5	Lợi nhuận sau thuế	763,493,759	310,460,454	453,033,305	145.92%

Chi phí 6 tháng đầu năm 2022 đạt hơn 3,508 tỷ đồng, tăng hơn 41.70% so với 6 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh, đạt hơn 4,462 tỷ đồng, tăng 55.82% so với 6 tháng đầu năm 2021. Do đó, lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 là 763,49 triệu đồng, tăng gần 145.92% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN THỊ HUYỀN